

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**
Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Sơn.
- Bà Trần Thị Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2023 việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị T năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ H, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

2. Bị đơn: Ông Võ Phan Tường H năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ H, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa cấp sơ thẩm nguyên đơn bà Trịnh Thị T trình bày:

Bà Trịnh Thị T và ông Võ Phan Tường H quen biết nhau khi hai bên ở cùng dãy nhà trọ. Khoảng 01 năm sau khi biết nhau, hai bên nảy sinh tình cảm, tự nguyện sống chung với nhau. Vì bà T kiên quyết lấy ông H, nên gia đình hai bên đứng ra tổ chức đám cưới cho vợ chồng bà. Bà T và ông H tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyển số 1/2004 ngày 30/9/2004.

Thời gian đầu sống chung với nhau hạnh phúc. Vợ chồng bà T và ông H đã sống hai nơi khác nhau hơn 6 năm nay, mỗi tháng ông H chỉ về nhà vào những ngày cuối tuần. Việc ông H ghen tuông không có căn cứ, ảnh hưởng đến cuộc sống, công ăn việc làm của bà T. Cách đây khoảng 03 năm (khoảng tháng 10/2020) bà T cũng đưa ông H ký đơn ly hôn, nhưng ông H muốn hàn gắn nên bà không nộp đơn, để gia đình có cơ hội hàn gắn. Đầu năm 2021 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, ông H tính tình gia trưởng, ghen tuông vô cớ, lúc vợ chồng cãi nhau ông H không giữ được bình tĩnh, nói năng không kiểm soát, đôi lúc cũng đánh bà T. Nhưng do chuyện gia đình, bà T không báo chính quyền địa phương, nên địa phương không nắm được. Bà T lấy ông H cũng gần 20 năm, mâu thuẫn gia đình lập đi lập lại nhiều lần, ông H không sửa đổi, bà T cũng chịu đựng nhiều, nay bà T không thể chấp nhận được tính cách ông H, không thể chịu đựng thêm được nữa, bà T không thể duy trì được cuộc sống như vậy. Bà đã cho ông H cơ hội sửa đổi nhiều lần, nay bà T không còn tin tưởng ông H, vì ông H không bao giờ thay đổi.

Vợ chồng không còn tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, bà T không thể sống chung với ông H, bà Trịnh Thị T cho bà T ly hôn với ông Võ Phan Tường H

Về con chung: Vợ chồng bà T và ông H có một con chung là Võ Trịnh Huy H2, sinh ngày 25/4/2006. Theo nguyện vọng của con, hoàn cảnh sống của hai bên, con hiện đang sống với bà T, bà T có công ăn việc làm có thu nhập để lo cho con, không cần ông H cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, bà T có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Võ Phan Tường H trình bày:

Ông Võ Phan Tường H, bà **Trịnh Thị T** tìm hiểu, sống chung với nhau, tự nguyện đi đăng ký kết hôn theo quy định được Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85, quyển số 1/2004 ngày 30/9/2004. Quá trình chung sống, mâu thuẫn đúng như bà T trình bày. Thỉnh thoảng vợ chồng có cãi nhau, nhưng do ông H còn thương bà T nên ghen tuông. Việc bà T ly hôn ông H không hiểu được lý do là gì, nhưng ông H còn thương vợ con nên mong bà T cho cơ hội để sửa đổi tính tình, bà T muốn thế nào ông sẽ thực hiện như vậy. Đề nghị Tòa án cho ông H cơ hội để hàn gắn gia đình. Về con chung: Vợ chồng ông H và bà T có một con chung là Võ Trịnh Huy H2, sinh ngày 25/4/2006. Trường hợp, bà T kiên quyết ly hôn, ông đồng ý theo nguyện vọng của con, ông H giao con chung Võ Trịnh Huy H2 cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng theo điều kiện bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa:

Bà Trịnh Thị T nguyên yêu cầu khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông H bà T là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu ly hôn của bà T. Giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Trịnh Thị T ly hôn, tranh chấp nuôi con bị đơn ông Võ Phan Tường H địa chỉ: Tổ H, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tòa án xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung Bà Trịnh Thị T Ly hôn, tranh chấp nuôi con bị đơn ông Võ Phan Tường H

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trịnh Thị T Võ Phan Tường H nhận cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, được Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn quyển số 1/2004 ngày 30/9/2004, nên hôn nhân giữa bà Trịnh Thị Thuông Võ Phan Tường H hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng bà T và ông H: Ông H đồng ý với trình bày của bà T về mâu thuẫn hai bên, nhưng ông H cho rằng bản thân còn yêu thương bà T nên mới có hành động ghen tuông dẫn đến xảy ra mâu thuẫn như bà T trình bày. Như vậy, mâu thuẫn giữa ông H và bà T là có thật như các bên đương sự thừa nhận. Ông H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ tình cảm của ông H dành cho bà T. Nhưng bà T không thể chấp nhận thái độ, cách ứng xử của ông H đối với bà, bà T không còn tin tưởng ông H. Xét thấy, mâu thuẫn các bên đã trầm trọng, bà T xác định không còn tình cảm, bà không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung với ông H, vợ chồng không còn tình nghĩa theo quy định tại Điều 19 của

Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà T yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Bà Trịnh Thị T Võ Phan Tường H định vợ chồng có một con chung là Võ Trịnh Huy H2, sinh ngày 25/4/2006 là phù hợp với giấy khai sinh của cháu Võ Trịnh Huy H2.

Bà Trịnh Thị T5 trực tiếp nuôi con Võ Trịnh Huy H yêu cầu ông Võ Phan Tường H nuôi con. Xét thấy, cháu H2 hiện đã đủ 17 tuổi, có nguyện vọng ở với mẹ. Ông Võ Phan Tường H giao cháu H2 cho bà T nuôi dưỡng trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, không có tranh chấp về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Để ổn định cuộc sống, xem xét quyền lợi mọi mặt của con và các bên đương sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T tiếp tục giao H2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị T Võ Phan Tường Huy yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị T ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Võ Phan Tường H

[6] Về án phí sơ thẩm:

Bà Trịnh Thị T 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T “Ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Võ Phan Tường H

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Thu ly hôn với ông Võ Phan Tường H

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là Võ Trịnh Huy H2, sinh ngày 25/4/2006 cho bà Trịnh Thị T tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Võ Phan Tường H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Võ Phan Tường H, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị T Võ Phan Tường Huy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Trịnh Thị T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006843 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thị hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Trịnh Thị T nộp xong án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/5/2023), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX. Phú Mỹ, tỉnh BR-VT;
- UBND P.B, TP. Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Việt Hà

